

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 5281/QĐ-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đã hoàn thành khóa học và cấp Chứng chỉ Ứng dụng
CNTT Nâng cao cho các học viên thi Đợt tháng 12/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-ĐHDT ngày 31/7/2014 của Hiệu trưởng về việc thành lập Trung tâm Tin học Duy Tân trực thuộc Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BDGĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ trưởng Bộ thông tin truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHDT ngày 12/5/2017 của Hiệu trưởng về việc giao nhiệm vụ cho Trung tâm Tin học Duy Tân đào tạo, sát hạch và cấp Chứng chỉ Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-TĐDT ngày 16/3/2020 của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Duy Tân về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-ĐHDT ngày 04/5/2020 về việc thành lập hội đồng thi Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Cơ bản & Nâng cao năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 5036/QĐ-ĐHDT-HBTN ngày 12/12/2020 về việc cho phép học viên dự thi Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Nâng cao Đợt tháng 12 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đã hoàn thành khóa học và cấp Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Nâng cao cho:

+ 241 học viên thi Đợt tháng 12/2020 (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Các Khoa, Phòng, Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Vụ GDTX;
- P. ĐTDH&SDH;
- VP Trường;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VP TTTH.



**DANH SÁCH HỌC VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO - ĐỢT THÁNG 12/2020**
SỐ LƯỢNG: 241 Chứng chỉ

Danh sách này kèm theo Quyết định số: 5281 /QĐ-DHDT ngày 28 tháng 12 năm 2020

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THƯỞ	GHI CHÚ
1	24265203038	Phạm Lê Diệp	Ngân	09/03/1990	Đà Nẵng	26CHT1	7.3	5.0	
2	2226521694	Phạm Thị Như	Phương	10/11/1994	Quảng Nam	26CHT1	6.3	5.1	
3	2226521697	Hồ Thị Thu	Quỳnh	02/11/1994	Đà Nẵng	26CHT1	8.0	6.0	
4	2226521860	Bùi Nguyễn Minh	Tâm	01/01/1995	Đà Nẵng	26CHT1	6.7	5.0	
5	2226521708	Phan Thị Bích	Thảo	11/11/1993	Quảng Nam	26CHT1	5.0	5.0	
6	2226521862	Nguyễn Thị Thi	Thi	30/04/1996	Quảng Ngãi	26CHT1	6.3	5.9	
7	2226521721	Trần Thị Thiên	Trang	25/01/1996	Bình Định	26CHT1	7.0	5.0	
8	2126521961	Nguyễn Thị	Vương	10/01/1988	Quảng Nam	26CHT1	5.7	5.9	
9	2320529255	Nguyễn Thị Hồng	Anh	23/12/1998	Đà Nẵng	26CHT2	9.3	9.3	
10	2320716494	Nguyễn Ngọc	Ánh	05/11/1999	Đà Nẵng	26CHT2	9.0	5.5	
11	2320529040	Thái Thị	Dung	01/01/1998	Quảng Nam	26CHT2	6.7	6.8	
12	2320521553	Nguyễn Thị Minh	Huệ	06/10/1998	Nam Định	26CHT2	7.3	6.0	
13	2220613462	Lê Thị Lệ	Huyền	13/11/1998	Khánh Hòa	26CHT2	8.7	8.5	
14	23207111463	Lê Thị Nguyệt	Khuê	09/08/1999	Bình Định	26CHT2	9.0	7.9	
15	2320314637	Lê Thị Kiều	Ngân	30/09/1998	Đắk Lắk	26CHT2	6.3	6.9	
16	2320519377	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	06/09/1998	Bình Định	26CHT2	8.3	6.9	
17	2320714006	Trần Thị Thu	Ngọc	23/12/1999	Đà Nẵng	26CHT2	8.3	7.9	
18	2320351834	Lý Thị Thu	Nhân	26/01/1999	Quảng Nam	26CHT2	6.0	6.3	
19	23203111054	Lê Minh Phương	Nhi	24/09/1999	Quảng Trị	26CHT2	5.7	6.0	
20	2220528768	Thái Nguyễn Hoàng	Phúc	13/03/1998	Quảng Ngãi	26CHT2	7.7	6.9	
21	2221714053	Nguyễn Quang	Phúc	29/06/1998	Đà Nẵng	26CHT2	6.3	7.9	
22	2320716674	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	23/12/1999	Đà Nẵng	26CHT2	5.3	5.0	
23	2326521204	Nguyễn Thị	Thực	20/09/1994	Gia Lai	26CHT2	7.7	5.8	
24	2320712656	Nguyễn Thị Việt	Tiếp	16/02/1999	Bình Định	26CHT2	7.3	7.0	
25	23207111227	Nguyễn Thị Bích	Trâm	11/04/1999	DakLak	26CHT2	5.7	5.0	
26	2326521207	Trần Thị Bích	Trâm	22/06/1992	Khánh Hòa	26CHT2	9.3	7.8	
27	2320716821	Trần Thị Quỳnh	Trang	03/09/1999	Đà Nẵng	26CHT2	7.0	7.9	
28	2326521210	Hà Thị Huyền	Trang	21/07/1994	Khánh Hòa	26CHT2	5.0	7.3	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUỖ	GHI CHÚ
29	24207116131	Nguyễn Thị Kiều	Trình	12/05/2000	Hà Tĩnh	26CHT2	6.3	7.5	
30	23202111620	Nguyễn Thị Thuỳ	Vân	18/05/1999	Quảng Nam	26CHT2	8.7	7.9	
31	2320520647	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	22/11/1999	Gia Lai	26CSCI	5.3	6.1	
32	2320668455	Nguyễn Thuý	Hân	25/06/1999	Quảng Ngãi	26CSCI	6.7	6.4	
33	23205212530	Đinh Thị Thuý	Hiền	24/11/1999	Đắk Lắk	26CSCI	5.7	6.5	
34	2320528988	Lê Thị Thu	Hiền	02/02/1999	Hà Tĩnh	26CSCI	6.7	6.4	
35	2320320734	Phan Thị	Lài	03/02/1999	Quảng Nam	26CSCI	8.7	6.5	
36	2320529323	Nguyễn Vũ Thuý	Linh	26/02/1999	Đà Nẵng	26CSCI	7.3	8.9	
37	2320315844	Trần Thị Thuý	Lưu	22/04/1999	Quảng Nam	26CSCI	7.3	6.4	
38	2321158430	Đàm Phạm	Mỹ	21/12/1999	Gia Lai	26CSCI	7.7	8.9	
39	2320716718	Lê Thị Hồng	Ngân	30/10/1999	Bình Định	26CSCI	9.0	8.9	
40	23207110086	Trần Minh	Nhi	28/09/1999	Quảng Nam	26CSCI	7.3	5.5	
41	2320257530	Nguyễn Thị Hoài	Phương	06/12/1998	Quảng Bình	26CSCI	6.7	5.0	
42	2320315758	Trần Thị Như	Quỳnh	05/05/1998	Gia Lai	26CSCI	5.0	5.4	
43	23207110126	Trần Đoàn Phương	Thảo	11/03/1999	TT Huế	26CSCI	5.7	5.4	
44	2326521199	Nguyễn Thị Thu	Thảo	21/02/1994	Đà Nẵng	26CSCI	5.3	5.0	
45	2326521201	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24/06/1994	Quảng Nam	26CSCI	7.3	5.5	
46	2320722345	Nguyễn Thị Thanh	Thị	05/01/1999	Quảng Ngãi	26CSCI	6.7	6.0	
47	2320529371	Châu Thị Phương	Thúy	29/10/1999	DakLak	26CSCI	6.3	6.0	
48	24207106452	Nguyễn Phương	Thùy	28/02/2000	Quảng Nam	26CSCI	7.0	6.4	
49	23202510600	Nguyễn Thị	Tinh	10/06/1999	Quảng Nam	26CSCI	7.7	9.8	
50	2320714944	Huỳnh Thị Tổ	Trình	08/09/1999	Đà Nẵng	26CSCI	6.7	6.4	
51	2320344609	Huỳnh Lê Ngọc	Trúc	27/08/1999	Đà Nẵng	26CSCI	8.3	7.0	
52	2321716838	Phan Hoài	Tuyên	08/12/1999	Bình Định	26CSCI	9.0	8.4	
53	24203116851	Cao Thị	Xuyến	20/06/1997	Hà Tĩnh	26CSCI	7.3	8.9	
54	2226521872	Lê Hồng	Vân	08/08/1994	Quảng Nam	26CYC1	8.0	5.4	
55	23203110421	Nguyễn Thị Thu	Hậu	20/09/1999	Đà Nẵng	26SBN1	9.0	7.5	
56	2226521672	Hà Thị Gia	Lăng	01/04/1977	Gia Lai	26SBN1	5.0	5.9	
57	2320263074	Tạ Hồ Thảo	Nguyên	17/02/1999	Đà Nẵng	26SBN1	7.3	5.0	
58	2320514216	Lê Thị	Phương	19/08/1998	Hà Tĩnh	26SBN1	6.7	7.9	
59	2320213461	Lâm Thị Thu	Hiếu	01/01/1999	Quảng Ngãi	26SHT1	8.0	7.0	
60	2221523115	Nguyễn Duy	Khiêm	11/01/1998	Bình Định	26SHT1	5.0	5.0	
61	2326521155	Đặng Thị Thúy	Hằng	07/11/1995	TT Huế	26SSCI	6.0	5.0	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUỖ	GHI CHÚ
62	2321714467	Nguyễn Phước	Tài	28/06/1999	Đà Nẵng	26SSC1	5.3	6.0	
63	2226521821	Nguyễn Thị Lan	Anh	27/09/1992	Quảng Ngãi	26SYCI	7.3	5.0	
64	2320315580	Nguyễn Thị Lan	Anh	06/05/1999	Đà Nẵng	26SYCI	7.3	6.5	
65	2320864045	Bùi Ngọc Quỳnh	Anh	07/05/1999	Đà Nẵng	26SYCI	5.3	5.6	
66	23207110655	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	28/02/1999	Quảng Nam	26SYCI	7.0	7.5	
67	2320712845	Trương Hoàng Trần	Châu	17/01/1999	Quảng Nam	26SYCI	8.0	6.3	
68	2220523271	Lê Thị Phương	Dung	13/11/1998	Đắk Nông	26SYCI	7.3	7.0	
69	2220522887	Võ Thị Thanh	Hào	14/08/1998	Bình Định	26SYCI	8.3	5.0	
70	2321710687	Nguyễn Minh	Huy	16/12/1999	Đà Nẵng	26SYCI	6.3	6.5	
71	2321712256	Nguyễn Quốc	Huy	21/05/1999	Đà Nẵng	26SYCI	7.7	6.5	
72	2326521166	Nguyễn Thị	Kết	29/11/1989	Quảng Nam	26SYCI	7.0	7.0	
73	2326521169	Nguyễn Thị Thanh	Lài	23/08/1992	Quảng Nam	26SYCI	7.7	7.9	
74	23207110640	Trần Thị Kiều	Lam	25/05/1999	Đà Nẵng	26SYCI	8.3	5.0	
75	2326521172	Trần Thị Diễm	Lan	07/03/1984	Đà Nẵng	26SYCI	6.3	6.4	
76	25215307919	Trần Khánh	Ngân	24/08/2001	Khánh Hòa	26SYCI	6.7	6.5	
77	2320221301	Trần Thị Tú	Ngọc	07/02/1999	Đắk Lắk	26SYCI	7.0	6.6	
78	2320716701	Bùi Thị Hải	Ngọc	10/09/1999	Thái Bình	26SYCI	6.7	5.5	
79	23207110609	Võ Thị	Phượng	24/03/1999	Quảng Nam	26SYCI	9.7	9.8	
80	2320257610	Đinh Diễm	Quỳnh	20/04/1999	Đà Nẵng	26SYCI	8.0	6.0	
81	2321215164	Vòng Hữu	Tài	26/07/1999	Đà Nẵng	26SYCI	8.3	7.5	
82	2221523274	Thân Trọng Anh	Tân	20/07/1998	Gia Lai	26SYCI	7.0	6.0	
83	2226521715	Trương Thùy Diễm	Thúy	29/10/1994	Khánh Hòa	26SYCI	7.7	7.0	
84	2220523264	Nguyễn Thị	Thủy	24/05/1998	Bắc Giang	26SYCI	8.7	6.4	
85	2321864055	Ngô Nguyễn Thành	Tiến	18/12/1998	Quảng Ngãi	26SYCI	5.7	5.0	
86	2320319641	Võ Thị Huyền	Trâm	16/05/1999	Quảng Nam	26SYCI	6.7	5.5	
87	2220522957	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	24/12/1998	DakLak	26SYCI	6.0	5.5	
88	2221522962	Lê Phan	Trí	17/08/1998	Bình Định	26SYCI	8.0	7.5	
89	2320519529	Nguyễn Tường	Vy	18/08/1997	Bình Định	26SYCI	5.3	5.5	
90	2220522935	Huỳnh Thị Như	Thơ	28/02/1998	Phú Yên	26TBN1	6.3	6.0	
91	2320714927	Nguyễn Thị Kim	Anh	13/12/1999	Đà Nẵng	26TBN2	6.7	5.5	
92	2320714371	Huỳnh Lưu Ngọc	Ánh	08/10/1999	Quảng Nam	26TBN3	7.0	6.5	
93	23217111586	Nguyễn Lương	Bằng	03/09/1999	Đà Nẵng	26TBN3	5.7	5.3	
94	2320713617	Đỗ Kiều	Hạnh	06/05/1999	Quảng Nam	26TBN3	5.0	5.0	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUỖ	GHI CHÚ
95	2320313173	Nguyễn Thị Thu	Hiên	20/03/1999	Bình Định	26TBN3	5.3	6.5	
96	2320523854	Nguyễn Trúc	Linh	12/10/1999	Quảng Nam	26TBN3	7.3	5.0	
97	2320281340	Lê Đạt	Quỳnh	14/10/1999	Đà Nẵng	26TBN3	6.0	5.5	
98	2320314713	Đoàn Thị Thu	Thuận	22/06/1999	Quảng Nam	26TBN3	8.7	6.8	
99	2320523886	Huỳnh Thị Thu	Trang	05/01/1999	Đà Nẵng	26TBN3	6.7	6.3	
100	23207111762	Trần Quế	Anh	25/10/1998	Đà Nẵng	26TBN4	6.0	7.4	
101	23213710412	Trương Ngọc Phi	Banh	30/07/1997	Kon Tum	26TBN4	6.7	8.4	
102	2321529102	Nguyễn Trung	Đức	01/01/1998	Bình Định	26TBN4	9.7	7.0	
103	2320521550	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	24/12/1999	Lâm Đồng	26TBN4	7.7	8.3	
104	2320714849	Nguyễn Thị Thúy	Hiên	27/12/1999	TT Huế	26TBN4	8.0	8.9	
105	23217211214	Nguyễn Văn	Hiếu	06/12/1999	Quảng Nam	26TBN4	7.0	6.1	
106	2320310480	Nguyễn Thị Thu	Kiều	26/08/1999	Quảng Ngãi	26TBN4	5.3	5.5	
107	23207211037	Nguyễn Thị	Liên	02/05/1999	Quảng Nam	26TBN4	7.0	7.5	
108	2321311856	Nguyễn Văn	Linh	26/07/1999	Nghệ An	26TBN4	7.3	6.0	
109	2321533909	Nguyễn Thanh	Minh	28/01/1999	Khánh Hòa	26TBN4	8.7	6.5	
110	23207210276	Phan Hoàng Hà	My	03/10/1999	Quảng Bình	26TBN4	7.3	7.9	
111	2321613225	Trần Văn	Nam	23/11/1999	Quảng Nam	26TBN4	8.7	9.5	
112	23207110511	Nguyễn Thanh	Ngân	15/05/1999	Đà Nẵng	26TBN4	8.3	8.0	
113	23207111487	Nguyễn Thị Viết	Ngân	08/09/1999	Quảng Nam	26TBN4	9.0	5.8	
114	23207210120	Lê Thị Bích	Ngân	06/09/1999	Quảng Nam	26TBN4	6.7	6.0	
115	2321521828	Bùi Bảo	Nha	02/02/1999	Bình Định	26TBN4	6.3	5.0	
116	2320521363	Nguyễn Thị Xuân	Thanh	21/09/1999	Khánh Hòa	26TBN4	8.0	7.5	
117	2320715232	Lê Thị Thu	Thủy	28/06/1999	Gia Lai	26TBN4	7.0	5.8	
118	2321720346	Phạm Ngọc	Toàn	14/06/1999	Đà Nẵng	26TBN4	6.3	5.8	
119	24202800900	Trương Nguyễn Hoàng	Vân	08/02/2000	Thanh Hóa	26TBN4	5.0	6.8	
120	23265212680	Phan Thị Xuân	Thanh	02/09/1980	Phú Yên	26THT2	7.0	5.4	
121	23205211599	Nguyễn Thị Dạ	My	27/02/1999	DakLak	26THT3	8.3	7.4	
122	2320223503	Võ Thị Mỹ	Ngân	21/04/1999	Quảng Ngãi	26THT3	9.3	5.3	
123	23215210598	Nguyễn Tấn	Phát	11/11/1999	Quảng Ngãi	26THT3	7.7	7.8	
124	23202110235	Lê Thị Thu	Uyên	02/08/1999	Quảng Trị	26THT3	7.0	5.0	
125	23203210496	Đổng Phương Thủy	An	04/06/1999	Quảng Nam	26THT4	8.7	6.0	
126	2221522826	Trương Ngọc	Bảo	09/01/1998	Gia Lai	26THT4	7.7	5.5	
127	2321630460	Trương Tuấn	Điệp	29/06/1999	TT Huế	26THT4	5.7	5.9	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUỖ	GHI CHÚ
128	2320264346	Võ Thanh	Dung	17/02/1999	Đà Nẵng	26THT4	6,7	5,5	
129	2320311291	Nguyễn Đăng Phương	Hà	03/04/1999	Đà Nẵng	26THT4	8,0	9,9	
130	23202412393	Võ Thị Hồng	Hạnh	16/07/1999	Phủ Yên	26THT4	9,3	7,5	
131	23207110626	Bùi Thị Kim	Hiếu	20/11/1999	Quảng Nam	26THT4	6,7	5,0	
132	23203210039	Nguyễn Như	Hoa	20/08/1999	Quảng Nam	26THT4	9,3	6,5	
133	2320664817	Võ Thị	Hoài	10/08/1999	Hà Tĩnh	26THT4	6,3	5,5	
134	2320717142	Nguyễn Thị Kim	Huệ	30/09/1999	Đà Nẵng	26THT4	7,0	6,9	
135	23218611806	Lê Mạnh	Hùng	10/07/1997	DakLak	26THT4	5,0	7,5	
136	23217110617	Phan Ngô	Huy	05/11/1999	Đà Nẵng	26THT4	5,0	7,9	
137	23207110090	Nguyễn Thị Bích	Lợi	04/10/1999	Đà Nẵng	26THT4	5,7	5,5	
138	23202410009	Nguyễn Thị Thanh	Nga	15/11/1999	Quảng Bình	26THT4	7,3	7,5	
139	24203111706	Nguyễn Bảo	Ngọc	24/08/2000	Gia Lai	26THT4	7,0	7,4	
140	23202411451	Lưu Nguyễn Quỳnh	Như	05/02/1999	Phủ Yên	26THT4	8,7	8,8	
141	2320315680	Nguyễn Thị Loan	Phượng	05/06/1999	Đà Nẵng	26THT4	6,3	6,0	
142	2321163408	Huỳnh Phú	Thái	21/04/1999	Quảng Ngãi	26THT4	6,7	5,1	
143	2320528972	Trần Thị Ngọc	Thảo	12/04/1998	DakLak	26THT4	7,7	8,0	
144	2321729757	Trần Viết	Thời	28/06/1999	Đà Nẵng	26THT4	6,7	5,4	
145	2320315646	Nguyễn Hồng Anh	Thư	01/11/1999	DakLak	26THT4	6,3	5,0	
146	2320323687	Huỳnh Thị	Thương	21/05/1999	Quảng Nam	26THT4	7,0	5,5	
147	2320315819	Mai Ngân	Tiên	18/08/1999	Đà Nẵng	26THT4	8,3	6,4	
148	2220522894	Trần Ngọc Thùy	Trâm	25/03/1998	Bình Định	26THT4	6,7	5,5	
149	2320529058	Đỗ Hải	Yến	18/10/1999	Thái Bình	26THT4	6,7	8,0	
150	24203108583	Bùi Thị Thúy	An	12/03/2000	Bình Định	26THT5	6,7	5,8	
151	2320717216	Bùi Linh	Chi	20/04/1999	Hà Tĩnh	26THT5	5,7	5,9	
152	2321521230	Trần Văn	Duy	19/07/1999	Quảng Nam	26THT5	8,0	5,1	
153	2320716546	Phan Thị Mỹ	Duyên	01/08/1999	Quảng Nam	26THT5	6,7	5,0	
154	24203109351	Võ Kỳ	Duyên	15/01/2000	Đà Nẵng	26THT5	8,3	6,5	
155	2320723321	Nguy Thị	Hậu	16/09/1999	Quảng Nam	26THT5	7,7	7,4	
156	23213111358	Đặng Bá	Khánh	02/09/1999	Quảng Trị	26THT5	6,7	7,4	
157	2320225175	Trần Thị Thảo	Linh	30/04/1999	Quảng Nam	26THT5	6,3	5,4	
158	24203111046	Phạm Thị Khánh	Linh	29/07/2000	Đà Nẵng	26THT5	8,3	6,0	
159	2326521184	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	22/12/1992	Quảng Nam	26THT5	8,0	8,0	
160	2321520645	Phan Văn	Phúc	26/04/1999	Quảng Bình	26THT5	7,3	7,9	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUỖ	GHI CHÚ
161	2320529189	Lê Thị Uyên	Phương	09/07/1999	Khánh Hòa	26THT5	6.0	6.1	
162	2320216013	Nguyễn Thị Phương	Thanh	24/03/1999	Quảng Nam	26THT5	6.3	6.9	
163	2320213933	Huỳnh Thị Kim	Thon	16/07/1999	Quảng Nam	26THT5	5.0	8.0	
164	23212112911	La Thị Thu	Trang	13/11/1998	Thanh Hoá	26THT5	8.0	7.9	
165	24203113924	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	26/11/2000	Đà Nẵng	26THT5	9.3	7.4	
166	2320216209	Nguyễn Trần Lan	Vy	07/09/1999	Đà Nẵng	26THT5	5.0	6.3	
167	2320710594	Nguyễn Lê Hạ	Vy	25/05/1999	Đà Nẵng	26THT5	6.7	5.0	
168	2321538864	Võ Phan	Bảo	22/03/1998	Quảng Nam	26THT5	6.3	6.5	
169	2320714693	Lê Mỹ	Dung	25/07/1999	Quảng Nam	26THT5	5.7	7.5	
170	23205211758	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	01/09/1999	Thanh Hóa	26THT5	8.3	9.0	
171	2320315764	Hồ Thị Hải	Yến	09/11/1999	Đà Nẵng	26THT5	7.3	8.4	
172	24202505717	Đặng Thị Thùy	Dung	26/01/2000	Quảng Bình	26THT6	5.3	6.4	
173	2320529077	Trà Phan Minh	Hạnh	13/10/1999	Đà Nẵng	26THT6	7.0	7.0	
174	23211611033	Phạm Lê Trung	Hiếu	05/06/1999	Quảng Nam	26THT6	9.7	9.5	
175	2320521557	Lý Mai	Linh	01/12/1999	Lâm Đồng	26THT6	8.0	7.4	
176	23207110523	Võ Hồng	Ngọc	18/07/1999	Đà Nẵng	26THT6	5.3	7.9	
177	2321715221	Trần	Nguyên	25/12/1998	Đà Nẵng	26THT6	6.3	6.4	
178	24202516404	Phạm Thị	Nữ	14/01/2000	Đà Nẵng	26THT6	6.7	7.5	
179	24202615690	Lê Thị Kim	Oanh	02/08/2000	Quảng Bình	26THT6	5.0	6.9	
180	2321164170	Công Thành Nhất	Phong	07/12/1999	Phú Yên	26THT6	6.3	5.4	
181	24207213335	Trần Thị Thu	Thảo	17/07/2000	Đà Nẵng	26THT6	5.7	7.5	
182	24202507099	Phạm Thị Vy	Thìn	14/07/2000	Quảng Nam	26THT6	6.3	5.0	
183	2321179727	Trần Như	Tín	02/05/1994	Quảng Nam	26THT6	5.0	6.4	
184	2321163409	Trần Phước	Toàn	06/01/1999	Đà Nẵng	26THT6	5.3	6.3	
185	2320529057	Lê Thị Thu	Trang	16/07/1999	DakLak	26THT6	6.7	5.0	
186	2321162547	Nguyễn Văn	Trường	23/07/1999	Đà Nẵng	26THT6	7.3	6.0	
187	24207214546	Võ Như Lâm	Uyên	04/10/2000	Quảng Nam	26THT6	7.0	8.5	
188	2321170797	Trần Đức	Việt	27/09/1999	Quảng Nam	26THT6	7.3	7.0	
189	2320713976	Nguyễn Thị Tuyết	Phương	10/10/1999	Đà Nẵng	26TSC1	8.7	7.3	
190	2320519498	Phan Thùy	Linh	02/11/1999	DakLak	26TSC3	6.0	7.0	
191	2320213480	Nguyễn Thị Vũ	Sen	24/07/1999	Quảng Nam	26TSC3	5.7	5.0	
192	2320253950	Đặng Thị Thanh	Vi	03/08/1999	Quảng Nam	26TSC3	6.3	5.0	
193	2320216243	Trương Thị Diệu	Thương	26/05/1999	Gia Lai	26TYC2	5.3	7.1	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUỖ	GHI CHÚ
194	2320713118	Nguyễn Ngọc Kiều	Trình	24/12/1999	Đà Nẵng	26TYC2	9.0	5.0	
195	2321712634	Hồ Văn	Bình	12/01/1999	Quảng Nam	26TYC3	5.3	6.4	
196	23205211368	Trần Thị Mỹ	Hạnh	20/02/1999	Gia Lai	26TYC3	6.3	5.0	
197	2320714446	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/01/1999	Đà Nẵng	26TYC3	7.7	5.5	
198	2320216083	Lê Thị Cẩm	Uyên	12/07/1999	DakLak	26TYC3	7.0	6.5	
199	2320524743	Hoàng Cát	Lan	27/06/1999	Đà Nẵng	26TYC4	6.7	6.4	
200	2320529361	Huỳnh Mỹ	Lệ	03/07/1999	Bình Định	26TYC4	8.7	6.0	
201	23213212188	Uông Thành	Nhân	11/11/1999	Quảng Nam	26TYC4	7.0	5.0	
202	2320713110	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	08/05/1999	Quảng Nam	26TYC4	5.0	5.9	
203	2320715229	Nguyễn Thạch	Thảo	20/08/1999	Quảng Ngãi	26TYC4	7.3	5.0	
204	2320712892	Nguyễn Khánh	Uyên	12/07/1998	Thanh Hóa	26TYC4	6.3	5.4	
205	2321716450	Nguyễn Văn	Vương	13/02/1999	Bình Định	26TYC4	8.0	6.5	
206	23213211837	Lê Hoài	Ân	06/12/1999	Đà Nẵng	26TYC5	6.3	5.9	
207	2320319767	Trần Thị Quế	Anh	16/07/1999	Bình Định	26TYC5	6.3	5.0	
208	2220263404	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	12/09/1998	Gia Lai	26TYC5	5.3	6.4	
209	2320714378	Nguyễn Thị Yến	Chi	19/03/1999	Quảng Trị	26TYC5	7.0	5.5	
210	2220523103	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Duyên	22/02/1998	Đà Nẵng	26TYC5	5.3	5.9	
211	23205212504	Lê Thị Thanh	Hà	01/09/1998	Quảng Bình	26TYC5	7.0	5.5	
212	2320528952	Nguyễn Thanh	Hà	01/10/1999	Kon Tum	26TYC5	7.0	9.6	
213	24205105186	Ngô Thị Hồng	Hạnh	24/06/2000	Đắk Lắk	26TYC5	5.3	6.5	
214	2320528941	Nguyễn Thị Mỹ	Hào	14/08/1999	QUY Nhơn	26TYC5	8.7	9.5	
215	23208612167	Nguyễn Thị Thu	Hiền	10/06/1999	DakLak	26TYC5	6.0	6.0	
216	2320215155	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	26/04/1999	Đà Nẵng	26TYC5	5.0	6.0	
217	2320714418	Lê Thị Mỹ	Lai	28/01/1999	Đà Nẵng	26TYC5	6.0	6.0	
218	2320253067	Hoàng Bảo	Linh	07/09/1999	Quảng Trị	26TYC5	5.7	7.5	
219	23202610221	Nguyễn Nhật	Linh	07/05/1999	Quảng Bình	26TYC5	6.0	5.9	
220	23208610417	Đỗ Hạ Tiểu	My	09/08/1999	Quảng Ngãi	26TYC5	7.7	7.9	
221	2320710531	Trần Công Hoàng	Nhân	31/01/1999	Quảng Nam	26TYC5	6.7	5.5	
222	2320711842	Võ Thục	Nhi	06/07/1999	Đà Nẵng	26TYC5	6.3	5.0	
223	2320862937	Ngô Thị Hồng	Nhung	12/01/1998	Quảng Bình	26TYC5	7.3	7.5	
224	2321713975	Võ Thành	Phú	03/06/1999	Đà Nẵng	26TYC5	8.7	6.4	
225	2321120418	Trần Công	Phước	31/01/1999	Quảng Nam	26TYC5	7.3	5.5	
226	23218611457	Nguyễn Phú	Quốc	10/12/1999	DakLak	26TYC5	6.3	5.0	

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP TT	ĐIỂM KTC	ĐIỂM THUĐ	GHI CHÚ
227	2320714462	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	24/03/1999	Quảng Nam	26TYC5	6.7	6.0	
228	2321529173	Phạm Ngọc	Thạch	02/05/1999	Quy Nhơn	26TYC5	6.7	5.5	
229	23217111669	Huỳnh Lê	Tín	11/11/1999	Quảng Nam	26TYC5	5.3	6.5	
230	2320219686	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	19/07/1999	Quảng Ngãi	26TYC5	6.3	8.5	
231	2320524683	Lê Thị Ánh	Tuyết	30/08/1999	Bình Định	26TYC5	6.7	5.5	
232	2321712319	Ngô Trường Quang	Vũ	31/08/1999	Đà Nẵng	26TYC5	8.7	9.0	
233	2211128224	Ngô Tấn	Tín	19/12/1998	Quảng Nam	ITA.58B	7.3	7.9	
234	23212511699	Nguyễn Văn	Sáng	15/04/1999	Quảng Trị	ITA.64B	5.7	5.4	
235	2320260724	Mai Thị Ánh	Vân	24/11/1999	Quảng Nam	ITA.65B	5.3	5.0	
236	2221615522	Trần Duy	Vương	20/11/1996	Quảng Ngãi	ITA.66B	6.7	6.3	
237	2320312417	Trần Thị Minh	Huệ	24/04/1998	Kon Tum	ITA.79A	7.4	6.0	
238	2226521454	Văn Thị Thùy	Trang	20/08/1973	Đà Nẵng	ITA.82A	6.3	5.0	
239	2320713130	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	13/07/1999	Đà Nẵng	ITA.83A	6.7	5.0	
240	2220523254	Nguyễn Thị Thu	An	23/10/1998	DakLak	ITA.91A	7.0	5.6	
241	2320513234	Lê Thị	Lành	10/11/1999	Đà Nẵng	ITA.91A	7.3	5.4	

Tổng số HV Đạt: 241

LẬP BẢNG



Nguyễn Lê Quế Châu

GIÁM ĐỐC TT



Trương Minh Trí

XÁC NHẬN CỦA P. KH-TC



Mai Hoàng Hải

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Võ Thanh Hải